

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM: SỨ MỆNH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TRƯƠNG VĨNH KHANG
Viện Nhà nước và Pháp luật,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 03/7/2026. Sửa chữa xong 05/8/2026. Duyệt đăng 09/8/2026.

Abstract

Amid profound global and domestic transformations, the Vietnam Academy of Social Sciences (VASS) continues to affirm its mission as a leading institution for fundamental research while strengthening its role in providing scientific evidence for the formulation and improvement of national policies. In addition to theoretical research, VASS is increasingly integrating empirical research with social analysis and forecasting, thereby contributing to the formulation of socioeconomic development orientations. On this basis, the article proposes several development directions, including promoting applied research grounded in fundamental research, strengthening the Academy's strategic advisory function, expanding international cooperation, developing high-quality human resources, and reforming research management mechanisms to improve the scientific quality and practical applicability of research findings.

Keywords: *basic research, national policy, social sciences, strategic advisory services, Vietnam Academy of Social Sciences.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh thế giới và Việt Nam đang trải qua những biến đổi sâu sắc, đa chiều và ngày càng phức tạp, khoa học xã hội không chỉ thực hiện chức năng nhận thức và lý giải hiện thực, mà còn phải chủ động tham gia vào việc định hình tầm nhìn phát triển và cung cấp luận cứ khoa học cho các quyết sách chiến lược quốc gia. Các xu hướng toàn cầu như chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa và cạnh tranh địa chính trị đặt ra những thách thức mới, đòi hỏi các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội phải nâng cao chất lượng tư duy lý luận, củng cố cơ sở khoa học cho chủ trương, chính sách, đồng thời phát huy vai trò dẫn dắt trong quản trị phát triển. Trong bối cảnh đó, các thiết chế nghiên cứu cần được Nghiên cứu khoa học xã hội nhìn nhận không chỉ là nơi sản xuất tri thức hàn lâm mà còn là lực lượng trực tiếp tham gia vào quá trình hình thành và phát triển tư duy chiến lược quốc gia. Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam đã khẳng định vị trí đặc biệt của Viện như cơ quan nghiên cứu đầu ngành: vừa phát triển lý luận khoa học xã hội (KHXXH), vừa cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định và hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước. Việc tái định vị sứ mệnh của Viện trong tình hình mới do đó trở thành yêu cầu mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu cơ bản, phát huy vai trò tư vấn chiến lược, thúc đẩy hội nhập quốc tế, phát triển nhân lực chất lượng cao và đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu, đảm bảo kết quả KHXXH thực sự phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khoa học xã hội trước yêu cầu mới của phát triển đất nước

Trong tiến trình phát triển của mọi quốc gia, KHXXH luôn giữ vai trò đặc biệt trong việc nhận thức, lý giải và định hướng các quá trình kinh tế – chính trị – xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, khi thế

Email: Vinhkhanguong@gmail.com

giới bước vào giai đoạn chuyển đổi sâu sắc với sự đan xen của toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp và những biến động địa chính trị phức tạp, yêu cầu đối với KHXX đã có những thay đổi căn bản. KHXX không còn chỉ dừng lại ở chức năng phản ánh và giải thích hiện thực, mà ngày càng phải đảm nhiệm vai trò chủ động hơn trong việc cung cấp luận cứ cho hoạch định chiến lược, định hướng phát triển và tham gia vào quá trình ra quyết định chính sách.

Về phương diện lý luận, nhiều học giả đã chỉ ra sự chuyển dịch từ mô hình “khoa học hàn lâm thuần túy” sang mô hình “khoa học phục vụ chính sách” (policy-oriented science). Theo cách tiếp cận này, tri thức khoa học không chỉ có giá trị nội tại mà còn được đánh giá dựa trên khả năng tác động đến thực tiễn quản trị và phát triển. Peter Weingart trong công trình *Scientific Expertise and Political Accountability* đã nhấn mạnh rằng khoa học hiện đại ngày càng gắn bó chặt chẽ với chính trị và chính sách công, trong đó các nhà khoa học đóng vai trò như những chủ thể cung cấp tri thức có trách nhiệm trong quá trình ra quyết định¹.

Tương tự, trong lý thuyết về “*Mode 2 knowledge production*”, Michael Gibbons và các cộng sự² cho rằng tri thức trong xã hội hiện đại không còn được sản xuất chủ yếu trong khuôn khổ các thiết chế học thuật khép kín, mà ngày càng hình thành trong bối cảnh ứng dụng, mang tính liên ngành và gắn chặt với nhu cầu của xã hội. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển dịch từ mô hình khoa học truyền thống sang mô hình đồng sản xuất tri thức với sự tham gia của nhiều chủ thể ngoài giới học thuật. Trên cơ sở đó, KHXX được đặt trước yêu cầu phải đổi mới phương thức tổ chức nghiên cứu theo hướng mở, tăng cường liên kết với các chủ thể hoạch định chính sách và thực tiễn quản trị, đồng thời nâng cao tính ứng dụng và khả năng tác động của kết quả nghiên cứu.

Tại Hoa Kỳ, hệ thống các tổ chức nghiên cứu chính sách (Think tanks) như Brookings Institution hay RAND Corporation giữ vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định chính sách công. Các nghiên cứu cho thấy, những tổ chức này không chỉ là các trung tâm nghiên cứu học thuật, mà còn là chủ thể trung gian kết nối giữa tri thức và quyền lực, góp phần “định hình và tái định hình chính sách” ở các cấp độ khác nhau của hệ thống chính trị Hoa Kỳ³. Thông qua việc cung cấp các nghiên cứu dựa trên bằng chứng, tổ chức đối thoại chính sách và phổ biến kết quả nghiên cứu tới các nhà ra quyết định, các tổ chức nghiên cứu (Think tanks) đã trở thành kênh quan trọng đưa tri thức khoa học vào quá trình xây dựng chính sách⁴. Theo đó, chúng không chỉ thực hiện chức năng nghiên cứu mà còn góp phần thiết lập chương trình nghị sự và thu hẹp khoảng cách giữa tri thức và quyền lực trong quản trị hiện đại⁵.

Tại Vương quốc Anh, Chatham House (Royal Institute of International Affairs) là một ví dụ tiêu biểu về mô hình kết nối giữa nghiên cứu học thuật và hoạch định chính sách đối ngoại. Các nghiên cứu cho thấy tổ chức này không chỉ là một trung tâm nghiên cứu chính sách, mà còn là không gian thúc đẩy đối thoại giữa giới học thuật và các chủ thể chính sách, thông qua các nhóm thảo luận và diễn đàn chuyên đề về các vấn đề quốc tế⁶. Bên cạnh việc cung cấp các phân tích chiến lược dựa trên bằng chứng, Viện Quan hệ Quốc tế Hoàng gia (Chatham House) còn tổ chức thường xuyên các hội thảo, tọa đàm và đối thoại chính sách với sự tham gia của chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng quốc tế, qua đó góp phần đưa tri thức khoa học vào quá trình hoạch định chính sách⁷.

1) Weingart, P. (1999). Scientific expertise and political accountability: Paradoxes of science in politics. *Science and Public Policy*, 26(3), 151–161. <https://doi.org/10.3152/147154399781782437>

2) Nowotny, H., Scott, P., & Gibbons, M. (2001). *Re-thinking science: Knowledge and the public in an age of uncertainty*. Polity Press. Retrieved from <https://users.dcc.uchile.cl/~cguiter/cursos/cts/articulos/Mode2-Science-Gibbons-Nowotny.pdf>

3) Kumar, D. D. (2000). A study of education policy research at the Brookings Institution. *Higher Education Policy*, 13(3), 303–317. [https://doi.org/10.1016/S0952-8733\(00\)00003-9](https://doi.org/10.1016/S0952-8733(00)00003-9)

4) Shaikh, S. (2014, April 6). *Think tanks: A social good for the global community*. Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/think-tanks-a-social-good-for-the-global-community>

5) Singer, P. W. (2010, August 13). *Washington's think tanks: Factories to call our own*. Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/washingtons-think-tanks-factories-to-call-our-own/>

6) Cox, M. (2022). What do think tanks do? Chatham House in search of the United States. *International Politics*, 59(2), 206–226. <https://doi.org/10.1057/s41311-021-00295-3>

7) Chatham House. (n.d.). *About Chatham House*. *International Affairs* (Oxford Academic). Retrieved from https://academic.oup.com/ia/pages/about_chatham_house

Ở châu Á, mô hình các viện nghiên cứu gắn với hệ thống chính trị cho thấy hiệu quả rõ rệt trong việc cung cấp luận cứ cho hoạch định chính sách. Tại Trung Quốc, Chinese Academy of Social Sciences giữ vai trò trung tâm trong hệ thống nghiên cứu KHXH, với đặc điểm các lĩnh vực nghiên cứu có mối liên hệ chặt chẽ với cấu trúc chính trị và định hướng chính sách⁸. Trong khi đó, tại Singapore, Trường Chính sách công Lý Quang Diệu cùng các viện trực thuộc đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất tri thức chính sách và hỗ trợ quản trị công thông qua các nghiên cứu, chương trình đào tạo và case study phục vụ nhà hoạch định chính sách⁹.

Những trường hợp này cho thấy sự gắn kết giữa nghiên cứu và hệ thống chính trị góp phần nâng cao tính ứng dụng của tri thức và hỗ trợ trực tiếp cho quá trình xây dựng chính sách.

Những kinh nghiệm này cho thấy một điểm chung: KHXH chỉ thực sự phát huy vai trò khi được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Điều này không đồng nghĩa với việc làm giảm tính độc lập của khoa học, mà ngược lại, đặt ra yêu cầu cao hơn về chất lượng, tính khách quan và năng lực phân tích của các nghiên cứu khoa học.

Đối với Việt Nam, yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới càng làm nổi bật vai trò của KHXH. Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng không chỉ đặt ra các vấn đề về tăng trưởng kinh tế, mà còn kéo theo những thách thức phức tạp về thể chế, quản trị, văn hóa và xã hội. Những vấn đề như chuyển đổi mô hình phát triển, hoàn thiện nhà nước pháp quyền, bảo đảm công bằng xã hội hay thích ứng với biến đổi toàn cầu đều đòi hỏi phải có cơ sở lý luận vững chắc và các luận cứ khoa học đáng tin cậy. Trong bối cảnh đó, KHXH trở thành một trong những trụ cột quan trọng của năng lực hoạch định chiến lược quốc gia.

Trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, yêu cầu nâng cao chất lượng hoạch định đường lối, chủ trương và chính sách phát triển đặt ra nhiệm vụ phải tăng cường vai trò của KHXH như một nguồn cung cấp luận cứ chiến lược. Điều này đòi hỏi sự chuyển đổi không chỉ về nội dung nghiên cứu, mà còn về cách thức tổ chức và vận hành của các thiết chế khoa học. Các cơ quan nghiên cứu cần hướng tới việc xây dựng năng lực dự báo, phân tích chính sách và tư vấn chiến lược, thay vì chỉ tập trung vào nghiên cứu mô tả hoặc tổng kết thực tiễn.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức, vai trò của tri thức và dữ liệu ngày càng trở nên quan trọng. KHXH không chỉ cần cung cấp các phân tích định tính, mà còn phải kết hợp với các phương pháp định lượng, dữ liệu lớn và các công cụ phân tích hiện đại để nâng cao độ tin cậy và tính thuyết phục của các luận cứ khoa học. Đây là xu hướng chung trên thế giới, được thể hiện rõ trong các lĩnh vực như khoa học chính sách (policy science), khoa học dữ liệu xã hội (computational social science) và phân tích chính sách dựa trên bằng chứng (evidence-based policy).

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, yêu cầu mới của phát triển đất nước đã và đang đặt ra những đòi hỏi ngày càng cao đối với KHXH. Không chỉ là công cụ nhận thức, KHXH cần trở thành lực lượng nòng cốt trong việc cung cấp luận cứ cho các quyết sách chiến lược, góp phần định hình tầm nhìn phát triển và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Điều này tạo tiền đề quan trọng để xem xét và xác định lại sứ mệnh của các thiết chế nghiên cứu KHXH, trong đó có Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

2.2. Sứ mệnh của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam trong cung cấp luận cứ cho các vấn đề chiến lược của đất nước

Sứ mệnh của Viện Hàn lâm được thể hiện qua việc tiến hành các nghiên cứu KHXH và nhân văn sâu rộng, đồng thời vận dụng những kết quả này để tham gia tư vấn và định hướng chiến lược phát triển quốc gia, từ đó cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho hoạch định chính sách và xây dựng các kế

8) Zhou, P., Su, X., & Leydesdorff, L. (2010). *A comparative study on communication structures of Chinese journals in the social sciences*. arXiv. <https://arxiv.org/abs/1002.3590>

9) Lee Kuan Yew School of Public Policy. (n.d.). *Case studies*. National University of Singapore. <https://lkyspp.nus.edu.sg/research/case-insights-unit/all-case-studies>

hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh này, nghiên cứu cơ bản đóng vai trò trụ cột, là nền tảng cho mọi hoạt động nghiên cứu ứng dụng, tư vấn chiến lược và phát triển nhân lực của Viện. Nghiên cứu cơ bản không chỉ tạo ra tri thức lý luận, mà còn định hướng các nghiên cứu thực tiễn và dự báo chính sách, đảm bảo mọi quyết sách dựa trên luận cứ khoa học đáng tin cậy.

2.2.1. Nghiên cứu cơ bản – thế mạnh truyền thống của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam từ lâu đã duy trì nghiên cứu cơ bản là trụ cột, là thế mạnh truyền thống trong hệ thống KHXX và nhân văn của Việt Nam. Nghiên cứu cơ bản không chỉ tạo ra tri thức lý luận sâu rộng, mà còn là nền tảng cho mọi hoạt động nghiên cứu ứng dụng và tư vấn chiến lược. Viện tập trung vào việc phát triển lý luận xã hội và nhân văn, đồng thời kết hợp các phương pháp phân tích dữ liệu, khảo sát thực địa và mô hình dự báo để đảm bảo kết quả khoa học vừa chính xác, vừa có tính dự báo, phục vụ cho hoạch định chính sách quốc gia.

Các chương trình nghiên cứu cơ bản bao quát nhiều lĩnh vực: luật học, xã hội học, kinh tế học, nhân khẩu học, tâm lý học, địa lý nhân văn, lịch sử, văn hóa và triết học... Những nghiên cứu này giải mã cấu trúc xã hội, hành vi con người, biến đổi dân số, bất bình đẳng xã hội, sự tác động của công nghệ số, và những thay đổi trong nền kinh tế tri thức. Điều này cho thấy nghiên cứu cơ bản không chỉ là hoạt động khoa học thuần túy, mà còn là nguồn dữ liệu quan trọng, trực tiếp cung cấp luận cứ cho dự báo và tư vấn chính sách.

Bên cạnh đó, Viện đã triển khai Nghiên cứu, biên soạn những bộ sách lớn tiêu biểu cho tinh hoa của trí tuệ Việt Nam và thế giới phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá tri thức về KHXX. Hoàn thành việc biên soạn và công bố những công trình khoa học trọng điểm cấp Nhà nước: Lịch sử Việt Nam (thông sử); Lịch sử văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn học Việt Nam; từ điển tiếng Việt (cỡ lớn); địa chí các tỉnh và thành phố trong cả nước; khai thác di sản Hán Nôm; kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam¹⁰... và các dự án nghiên cứu cơ bản mang tính chiến lược quốc gia, chẳng hạn như các đề án nghiên cứu lớn như Đề án biên soạn bách khoa toàn thư Việt Nam; Đề án nghiên cứu di tích khảo cổ học Ốc Eo - Ba Thê, Nền Chùa... Kết quả từ các dự án này không chỉ đóng góp vào lý luận khoa học, mà còn tạo cơ sở dữ liệu quan trọng cho các quyết sách kinh tế - xã hội, quy hoạch vùng, và các chương trình phát triển con người. Các nghiên cứu cơ bản của Viện được củng cố bằng khảo sát định kỳ và phân tích dữ liệu lớn, từ đó tạo ra các dự báo chính xác, kịp thời, giúp hoạch định chính sách quốc gia hiệu quả. Nhờ giữ vững thế mạnh nghiên cứu cơ bản, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vừa củng cố vị trí trung tâm trong hệ thống KHXX quốc gia, vừa đảm bảo rằng mọi tư vấn chiến lược đều dựa trên cơ sở luận cứ khoa học đáng tin cậy.

2.2.2. Tư vấn chiến lược và hỗ trợ hoạch định chính sách là nhiệm vụ xuyên suốt. Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam “thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực KHXX và nhân văn nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”¹¹. Điều này thể hiện quyết tâm định hướng nghiên cứu gắn liền với yêu cầu chiến lược quốc gia, từ việc đánh giá hiệu quả các chủ trương, chính sách đến tư vấn cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng và giá trị cốt lõi của đất nước.

Sứ mệnh tư vấn chiến lược của Viện còn được củng cố bởi hợp tác quốc tế và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KHXX và nhân văn. Viện chủ động ký kết các thỏa thuận, hợp tác với các viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và trường đại học uy tín, qua đó tiếp nhận kinh nghiệm, tiếp thu tri thức và áp dụng vào thực tiễn Việt Nam¹². Hợp tác quốc tế không chỉ giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, mà còn tạo điều kiện để Viện tham gia vào các diễn đàn toàn cầu, đóng góp quan điểm, đề xuất sáng kiến, và cập nhật các mô hình phát triển tiên tiến trên thế giới.

10) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. *Định hướng phát triển*. Truy cập ngày 01/04/2026, từ <https://vass.gov.vn/dinh-huong-phat-trien>
11) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026, 30 tháng 3). *Quyết định số 12-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*. Hà Nội:

12) Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. (2024, 07/11). *Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Nghiên cứu quốc gia về Kinh tế, Khoa học xã hội và Nhân văn Hàn Quốc*. Truy cập từ <https://app.vass.gov.vn/hop-tac-quoc-te/Thoa-thuan-hop-tac-giua-Vien-Han-lam-KHXX-Viet-Nam-va-Hoi-dong-Nghien-cuu-quoc-gia-ve-Kinh-te-KHXX-va-Nhan-van-Han-Quoc-509>

Mối liên hệ giữa nghiên cứu thực tiễn và tư vấn chiến lược được thể hiện rất rõ trong cách thức Viện triển khai các dự án nghiên cứu. Các nghiên cứu về kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, biến đổi xã hội, văn hóa và tôn giáo đều hướng đến việc cung cấp dữ liệu, phân tích xu hướng, đánh giá tác động chính sách, và đề xuất các giải pháp khả thi. Điều này cho thấy Viện vừa là trung tâm sản xuất tri thức, vừa là cơ quan tư vấn định hướng chiến lược, đảm bảo mọi quyết sách của Đảng và Nhà nước được xây dựng trên cơ sở khoa học, đồng bộ và khả thi¹³.

Như vậy, sứ mệnh của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam được thực hiện theo một chuỗi hoạt động chặt chẽ: bắt đầu từ nghiên cứu thực tiễn, thu thập và phân tích dữ liệu xã hội, tiến tới tư vấn chiến lược, tham gia hoạch định chính sách, thúc đẩy hợp tác quốc tế và đào tạo nhân lực. Sự kết nối này giúp Viện vừa duy trì vai trò trung tâm trong hệ thống KHXH Việt Nam, vừa bảo đảm rằng các nghiên cứu tư vấn chính sách được xây dựng trên cơ sở luận cứ khoa học cập nhật và khả thi.

2.3. Kiến nghị và định hướng phát triển Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu cơ bản, vai trò tư vấn chiến lược trong bối cảnh phát triển đất nước hiện nay

Trong bối cảnh đất nước đang đối mặt với những biến động kinh tế – xã hội phức tạp, quá trình chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cần tái định hình chiến lược phát triển nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu cơ bản và củng cố vai trò tư vấn chiến lược quốc gia. Những thách thức về biến đổi dân số, tái cấu trúc thị trường lao động, chuyển dịch kinh tế sang nền kinh tế số, kinh tế xanh và áp lực toàn cầu hóa đòi hỏi các nghiên cứu của Viện không chỉ có giá trị học thuật mà còn phải cung cấp luận cứ khoa học đáng tin cậy phục vụ hoạch định chính sách. Vì vậy, việc xây dựng định hướng và các kiến nghị phát triển cụ thể là yêu cầu cấp thiết.

2.3.1. Tăng cường nghiên cứu cơ bản gắn kết với thực tiễn xã hội

Viện cần tiếp tục phát triển các chương trình nghiên cứu sâu rộng, bao quát các lĩnh vực xã hội và nhân văn như xã hội học, kinh tế học, nhân khẩu học, tâm lý học, địa lý nhân văn, lịch sử và văn hóa. Nghiên cứu không chỉ nhằm phát triển lý luận mà còn cung cấp dữ liệu phân tích, dự báo các xu hướng xã hội, hành vi con người, biến đổi dân số, bất bình đẳng xã hội và tác động của công nghệ số. Việc áp dụng các phương pháp định tính, định lượng, dữ liệu lớn, mô hình dự báo và phân tích xã hội giúp nâng cao độ tin cậy và khả năng ứng dụng của kết quả nghiên cứu, từ đó phục vụ hiệu quả cho hoạch định chính sách.

2.3.2. Củng cố vai trò tư vấn chiến lược quốc gia

Viện Hàn lâm cần phát triển cơ chế chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành các khuyến nghị chính sách rõ ràng và khả thi, hỗ trợ các cấp lãnh đạo trong việc xây dựng chủ trương, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội. Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh rằng Viện “thực hiện chức năng nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực KHXH và nhân văn nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”, thể hiện yêu cầu gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và hoạch định chính sách. Việc tư vấn chiến lược phải diễn ra một cách liên tục, hệ thống và dựa trên dữ liệu khoa học cập nhật, đảm bảo các quyết sách được xây dựng trên nền tảng thực tiễn và luận cứ đáng tin cậy.

2.3.3. Mở rộng hợp tác quốc tế và trao đổi học thuật

Viện cần tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, think-tank và trường đại học uy tín trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và tích hợp các kinh nghiệm quản trị, phương pháp luận tiên tiến. Việc tham gia vào các mạng lưới nghiên cứu quốc tế sẽ giúp Viện tiếp thu tri thức mới, cập nhật các mô hình phát triển tiên tiến, đồng thời tạo cơ hội tham gia vào các diễn đàn quốc tế, từ đó nâng cao vị thế của KHXH Việt Nam trong cộng đồng nghiên cứu toàn cầu.

2.3.4. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Viện cần tập trung đào tạo các nhà nghiên cứu trẻ, chuyên gia hậu tiến sĩ, đồng thời thu hút nhân lực quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực liên ngành, dữ liệu xã hội, phân tích chính sách và dự báo xã hội.

13) Báo Tin tức, tldd.

Một đội ngũ nghiên cứu năng động, đa ngành và có kinh nghiệm thực tiễn là yếu tố then chốt giúp Viện thực hiện hiệu quả cả nghiên cứu cơ bản lẫn tư vấn chiến lược.

2.3.5. Đổi mới cơ chế quản lý và tổ chức nghiên cứu

Viện nên xây dựng cơ chế đánh giá dự án nghiên cứu dựa trên cả chất lượng khoa học và giá trị ứng dụng thực tiễn, đồng thời khuyến khích nghiên cứu liên ngành, phản biện chính sách và đối thoại khoa học – chính sách. Sự kết hợp giữa các ban nghiên cứu, phòng thí nghiệm dữ liệu và đơn vị truyền thông khoa học sẽ đảm bảo kết quả nghiên cứu được phổ biến kịp thời và áp dụng hiệu quả vào hoạch định chính sách.

3. Kết luận

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giữ vị thế đầu ngành trong hệ thống nghiên cứu KHXH, là trung tâm quan trọng kết nối tri thức, nghiên cứu lý luận và cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chiến lược quốc gia. Trong bối cảnh đất nước đối mặt với những biến đổi kinh tế – xã hội sâu sắc, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, việc tái định vị sứ mệnh là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu quả nghiên cứu cơ bản và củng cố vai trò tư vấn chiến lược. Viện cần tiếp tục phát triển nghiên cứu gắn kết thực tiễn, mở rộng phân tích dự báo xã hội, củng cố cơ chế tư vấn chính sách và chiến lược, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu, kết hợp phương pháp khoa học hiện đại, dữ liệu lớn và nghiên cứu liên ngành sẽ nâng cao độ tin cậy và khả năng ứng dụng của kết quả. Thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp Viện Hàn lâm giữ vững vị thế trung tâm nghiên cứu, đóng góp hiệu quả vào phát triển bền vững và hội nhập quốc tế, đồng thời khẳng định vai trò chiến lược trong định hướng quản trị và phát triển quốc gia.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2026). *Quyết định số 12-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*.

Báo Tin tức (2025). *Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phát huy vai trò tư vấn chiến lược*. <https://baotintuc.vn/xa-hoi/vien-han-lam-khoa-hoc-xa-hoi-viet-nam-phat-huy-vai-tro-tu-van-chien-luoc-20251218164017626.htm>.

Chatham House. (n.d.). *About Chatham House*. International Affairs (Oxford Academic). https://academic.oup.com/ia/pages/about_chatham_house.

Cox, M. (2022). What do think tanks do? Chatham House in search of the United States. *International Politics*, 59(2), 206–226. <https://doi.org/10.1057/s41311-021-00295-3>.

Kumar, D. D. (2000). A study of education policy research at the Brookings Institution. *Higher Education Policy*, 13(3), 303–317. [https://doi.org/10.1016/S0952-8733\(00\)00003-9](https://doi.org/10.1016/S0952-8733(00)00003-9).

Lee Kuan Yew School of Public Policy. (n.d.). *Case studies*. National University of Singapore. <https://lkyspp.nus.edu.sg/research/case-insights-unit/all-case-studies>.

Nowotny, H., Scott, P., & Gibbons, M. (2001). *Re-thinking science: Knowledge and the public in an age of uncertainty*. Polity Press. <https://users.dcc.uchile.cl/~cguatierr/cursos/cts/articulos/Mode2-Science-Gibbons-Nowotny.pdf>.

Organisation for Economic Co-operation and Development. (n.d.). *Science policy*. OECD. <https://www.oecd-ilibrary.org/en/topics/science-policy.html>.

OECD. (n.d.). *Science, technology and innovation*. <https://www.oecd.org/en/topics/science-technology-and-innovation.html>.

Shaikh, S. (2014, April 6). *Think tanks: A social good for the global community*. Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/think-tanks-a-social-good-for-the-global-community>.

Singer, P.W. (2010, August 13). *Washington's think tanks: Factories to call our own*. Brookings Institution. <https://www.brookings.edu/articles/washingtons-think-tanks-factories-to-call-our-own/>.

Weingart, P. (1999). Scientific expertise and political accountability: Paradoxes of science in politics. *Science and Public Policy*, 26(3), 151–161. <https://doi.org/10.3152/147154399781782437>.

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2024, 07/11). *Lễ ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Hội đồng Nghiên cứu quốc gia về Kinh tế, Khoa học xã hội và Nhân văn Hàn Quốc*. <https://app.vass.gov.vn/hop-tac-quoc-te/Thoa-thuan-hop-tac-qua-giua-Vien-Han-lam-KHXH-Viet-Nam-va-Hoi-dong-Nghien-cuu-quoc-gia-ve-Kinh-te-KHXH-va-Nhan-van-Han-Quoc-509>.

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2020). *Định hướng phát triển*. <https://vass.gov.vn/dinh-huong-phat-trien>.

Zhou, P., Su, X., & Leydesdorff, L. (2010). *A comparative study on communication structures of Chinese journals in the social sciences*. arXiv. <https://arxiv.org/abs/1002.3590>.